

**Phụ lục XIX**  
**CÁC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT ÁP DỤNG KIỂM TRA, THỬ**  
**NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI XE VÀ PHỤ TÙNG XE CƠ GIỚI**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024*  
*của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

1. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc và phụ tùng sử dụng cho xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc

Số tt	Loại xe <sup>(2)</sup> , phụ tùng	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận <sup>(1)</sup>
1	Ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc	QCVN 09:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô; QCVN 10:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố; QCVN 82:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng; QCVN 11:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật đối với rơ moóc và sơ mi rơ moóc; QCVN 109:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.
2	Kính an toàn của xe	QCVN 32:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kính an toàn của xe ô tô.
3	Gương dùng cho xe ô tô (thiết bị quan sát gián tiếp phía sau)	QCVN 33:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương dùng cho xe ô tô.
4	Đèn chiếu sáng phía trước	QCVN 125:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô	QCVN 78:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô.
6	Lốp hơi	QCVN 34:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi dùng cho ô tô.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe mô tô, xe gắn máy và phụ tùng sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy

Số tt	Loại xe <sup>(2)</sup> , phụ tùng	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận <sup>(1)</sup>
1	Mô tô, xe gắn máy	QCVN 14:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy; QCVN 04:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe mô tô, xe gắn máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới; QCVN 77:2024/BGTVT về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.
2	Gương chiếu hậu (thiết bị quan sát gián tiếp phía sau)	QCVN 28:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy.
3	Khung	QCVN 124:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khung xe mô tô, xe gắn máy.
4	Đèn chiếu sáng phía trước	QCVN 125:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Lốp hơi	QCVN 36:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy.
6	Động cơ	QCVN 37:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy; QCVN 90:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.
7	Ắc quy	QCVN 91:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.
8	Vành bánh xe	QCVN 113:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử vành bánh xe mô tô, xe gắn máy;

3. Các quy chuẩn kỹ thuật áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và phụ tùng sử dụng cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

Số tt	Loại xe <sup>(2)</sup> , phụ tùng	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận <sup>(1)</sup>
1	Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	QCVN 118:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.
2	Gương dùng cho xe (thiết bị quan sát gián tiếp phía sau)	QCVN 28:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương chiếu hậu xe mô tô, xe gắn máy; hoặc QCVN 33:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về gương dùng cho xe ô tô.
3	Kính an toàn của xe	QCVN 32:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kính an toàn của xe ô tô.
4	Đèn chiếu sáng phía trước	QCVN 125:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Lốp hơi	QCVN 36:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy; hoặc QCVN 34:2024/ BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lốp hơi dùng cho ô tô.
6	Động cơ	QCVN 37:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ xe mô tô, xe gắn máy; QCVN 90:2024 /BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về động cơ sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.
7	Ắc quy	QCVN 91:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.
8	Vành bánh xe	QCVN 113:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử vành bánh xe mô tô, xe gắn máy; hoặc QCVN 78:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vành hợp kim nhẹ dùng cho xe ô tô.

4. Các quy chuẩn kỹ thuật áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

Số tt	Loại xe <sup>(2)</sup> , phụ tùng	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận <sup>(1)</sup>
1	Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	QCVN 119:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

5. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe máy chuyên dùng

Số tt	Loại xe <sup>(2)</sup> , phụ tùng	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận <sup>(1)</sup>
1	Xe máy chuyên dùng	QCVN 13:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe xe máy chuyên dùng.

Hướng dẫn thực hiện:

<sup>(1)</sup> Yêu cầu chung trong việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để kiểm tra, thử nghiệm xe, phụ tùng:

+ Đối tượng, phạm vi áp dụng được quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

+ Việc áp dụng tiêu chuẩn mức khí thải thực hiện theo lộ trình ban hành của Thủ tướng Chính phủ;

+ Không thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận lại theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng đối với phụ tùng đã được lắp trên xe cơ sở khi thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với xe sản xuất, lắp ráp từ các xe cơ sở; không áp dụng bắt buộc lắp đặt rào chắn đối với các ô tô sát xi theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng;

+ Việc kiểm tra số khung theo tiêu chuẩn về số nhận dạng phương tiện VIN: không áp dụng đối với xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở đã có số khung hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng không quy định áp dụng;

+ Kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của xe xuất xưởng tiếp theo của kiểu loại xe đã được chứng nhận trên thiết bị kiểm tra quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm: góc đặt bánh xe; góc quay lái của bánh xe dẫn hướng; sai số đồng hồ tốc độ; lực phanh; cường độ và độ lệch đèn chiếu sáng phía trước; độ trượt ngang; độ trùng vết bánh xe đối với mô tô và xe gắn máy; khí thải; âm lượng còi, độ ồn xe đỗ tại chỗ; độ kín nước từ bên ngoài đối với xe chở người gồm ô tô và rơ moóc, sơ mi rơ moóc. Chỉ tiêu chất lượng tương ứng phải thực hiện kiểm tra và mức chỉ tiêu chất lượng phải phù hợp với từng kiểu loại xe, phù hợp với yêu cầu tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và được đăng ký trong hồ sơ chứng nhận kiểu loại xe. Riêng đối với việc kiểm tra chỉ tiêu chất lượng về độ ồn xe đỗ tại chỗ cho phép thực hiện theo phương pháp kiểm tra xác suất với tỷ lệ không ít hơn 10% số lượng xe xuất xưởng thuộc cùng 01 kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp trong tháng.

+ Khi tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng được trích dẫn trong Thông tư này được ban hành mới hoặc được bổ sung, sửa đổi thì sẽ áp dụng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mới

hoặc theo phiên bản bổ sung, sửa đổi. Lộ trình áp dụng được thực hiện theo lộ trình ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

(2) Một số yêu cầu riêng khi kiểm tra, thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với xe:

+ Đối với hạng mục kiểm tra góc ổn định tĩnh ngang xe quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: chỉ áp dụng kiểm tra đối với xe hoàn chỉnh;

+ Các hạng mục yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gồm: góc ổn định tĩnh ngang xe; khối lượng cho phép lớn nhất, khối lượng lớn nhất theo thiết kế và phân bố khối lượng này trên các trục; khối lượng kéo theo cho phép và khối lượng kéo theo lớn nhất theo thiết kế; tính toán số người cho phép chở (đối với xe khách); khả năng vượt dốc và thời gian tăng tốc (đối với xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở); các yêu cầu lắp đặt, độ cứng vững của khung, thân vỏ, khoang chở hàng cho phép cơ sở thử nghiệm thực hiện kiểm tra bằng một trong các phương thức kiểm tra thực tế xe hoặc đánh giá thông qua các tài liệu được thực hiện bằng phương pháp tính toán do cơ sở sản xuất cung cấp hoặc kết hợp cả hai phương thức nêu trên; khả năng chịu tải, độ bền của thiết bị nối kéo cho phép cơ sở thử nghiệm thực hiện kiểm tra bằng một trong các phương thức kiểm tra thực tế xe hoặc đánh giá thông qua các tài liệu do nhà sản xuất cung cấp;

+ Kiểm tra hệ thống lưu trữ năng lượng điện có thể sạc lại (Hệ thống REESS) quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với kiểu loại xe ô tô: cho phép cơ sở thử nghiệm thực hiện đánh giá kiểm tra, xác nhận dựa trên tài liệu sau: Báo cáo thử nghiệm của hệ thống REESS hoặc Báo cáo thử nghiệm xe thể hiện Hệ thống REESS đã được kiểm tra, thử nghiệm theo các yêu cầu tại UNECE No.100 được thực hiện bởi cơ sở thử nghiệm nước ngoài thuộc danh sách niêm yết theo Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về lĩnh vực kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận xe cơ giới; hoặc trường hợp Hệ thống REESS sản xuất, lắp ráp trong nước, việc đánh giá được căn cứ trên Báo cáo thử nghiệm của hệ thống REESS đã được kiểm tra, thử nghiệm theo các yêu cầu tại UNECE No.100 do tổ chức đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực thử nghiệm tại Việt Nam hoặc phòng thử nghiệm của cơ sở sản xuất hệ thống REESS được công nhận bởi các tổ chức chứng nhận quốc gia của Việt Nam thực hiện;

+ Đối với loại xe điện mở rộng phạm vi hoạt động (REEV, EREV), phương pháp thử khí thải, tiêu thụ năng lượng được áp dụng theo phương pháp thử của xe hybrid nạp điện ngoài (PHEV);

+ Xe có kích thước hoặc khối lượng lớn hơn giới hạn quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: khi thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, trong Báo cáo thử nghiệm an toàn xe, Giấy chứng nhận được cấp ghi: kiểu loại phương tiện này có thông số (kích thước, khối lượng) vượt quá giới hạn cho phép lớn nhất, khi tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường bộ;

+ Xe được thiết kế và sản xuất, lắp ráp không để tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng: khi thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, trong Báo cáo thử nghiệm an toàn xe, Giấy chứng nhận được cấp ghi: kiểu loại phương tiện này không tham gia giao thông trên đường dành cho giao thông công cộng.

+ Rơ moóc kiểu mô đun: việc kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận được thực hiện dưới dạng mô đun đơn. Trường hợp các mô đun có tính năng ghép, nối được với nhau, trong Báo cáo thử nghiệm an toàn xe, Giấy chứng nhận được cấp ghi: Rơ moóc kiểu mô đun có tính năng ghép, nối và khi ghép nối thành đoàn phải thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Đối với ô tô sát xi không buồng lái:

- Các yêu cầu đối với hệ thống phanh: chỉ áp dụng kiểm tra tình trạng lắp đặt và hoạt động của các cơ cấu của hệ thống phanh;

- Về khí thải: áp dụng kiểm tra, thử nghiệm về khí thải đối với động cơ mẫu và các phụ tùng có liên quan đến hệ thống khí thải của xe đối với xe có khối lượng chuẩn cao quy định trong quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp quy định trong quy chuẩn kỹ thuật cho phép thử đối với xe mẫu đại diện cho kiểu loại xe; khi lắp đặt động cơ và các phụ tùng liên quan đến hệ thống khí thải lên xe hoàn chỉnh phải được cơ sở thử nghiệm kiểm tra xác nhận sự phù hợp theo các yêu cầu

quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Không bắt buộc áp dụng kiểm tra, thử nghiệm về khí thải đối với xe ô tô sát xi không có buồng lái có khối lượng chuẩn thấp quy định trong quy chuẩn kỹ thuật; việc kiểm tra, thử nghiệm khí thải được áp dụng thực hiện đối với kiểu loại xe được lắp thành xe hoàn chỉnh từ kiểu loại ô tô sát xi này.

- Các yêu cầu về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới: không áp dụng kiểm tra lắp đặt thùng nhiên liệu lên xe. Việc kiểm tra, thử nghiệm lắp đặt thùng nhiên liệu lỏng trên xe theo yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được áp dụng kiểm tra đối với kiểu loại xe được lắp ráp hoàn chỉnh từ loại xe này;

+ Đối với ô tô sát xi có buồng lái:

- Các yêu cầu đối với hệ thống đèn chiếu sáng tín hiệu: chỉ áp dụng kiểm tra đối với các loại đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu phía trước, đèn tín hiệu phía sau (kiểm tra màu sắc và số lượng; việc kiểm tra lắp đặt thực hiện khi đèn được lắp hoàn chỉnh và cố định trên xe).

+ Đối với xe sản xuất, lắp ráp từ xe cơ sở:

- Các yêu cầu, hạng mục kiểm tra đối với kiểu loại phụ tùng của xe được sản xuất, lắp ráp không có sự thay đổi so với xe cơ sở thì chỉ thực hiện: kiểm tra nhận dạng, tình trạng hoạt động; các yêu cầu kiểm tra, thử nghiệm trên đường được ghi nhận theo kiểu loại xe cơ sở mà không phải kiểm tra, thử nghiệm lại. Kiểm tra chỉ tiêu chất lượng trên thiết bị xuất xưởng theo quy định để đánh giá sự phù hợp so với yêu cầu trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với kiểu loại xe. Đối với hạng mục kiểm tra khối lượng toàn bộ của xe và phân bố khối lượng toàn bộ lên các trục của xe trong mọi trường hợp không được vượt quá khối lượng toàn bộ của xe cơ sở, khả năng chịu tải trên trục của xe cơ sở đã được chứng nhận;

- Các yêu cầu về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới: Chỉ kiểm tra, thử nghiệm các yêu cầu về lắp đặt thùng nhiên liệu lỏng lên xe ô tô nếu xe được sản xuất, lắp ráp từ ô tô sát xi không có buồng lái. Không áp dụng kiểm tra lại đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở (ô tô sát xi có buồng lái, ô tô hoàn chỉnh) nếu chiều rộng xe không nhỏ hơn chiều rộng toàn bộ xe cơ sở, không có sự thay đổi về việc lắp đặt thùng nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu hoặc lắp đặt thêm các cơ cấu, thiết bị chuyên dùng ảnh hưởng đến các yêu cầu an toàn chống cháy của xe.

- Không áp dụng kiểm tra sai số đồng hồ tốc độ đối với xe sản xuất từ xe cơ sở nếu không có sự thay đổi về kết cấu, cách thức hiển thị so với xe cơ sở;

- Chạy thử: không áp dụng đối với xe sản xuất từ xe cơ sở nếu không có sự thay đổi các kết cấu, hệ thống, tổng thành chính liên quan đến an toàn đã lắp trên xe cơ sở; việc kiểm tra chạy thử trên đường chỉ thực hiện để kiểm tra, đánh giá đối với các hạng mục có sự thay đổi các tổng thành, hệ thống đã lắp trên xe cơ sở và các ảnh hưởng liên quan (nếu có).

+ Đối với xe ô tô chở người, rơ moóc chở người, sơ mi rơ moóc chở người: kiểm tra độ kín thân xe, khoang chở người; không áp dụng đối với trường hợp xe sản xuất từ xe cơ sở không có sự thay đổi về thân vỏ xe làm ảnh hưởng đến độ kín của xe;

+ Đối với xe máy chuyên dùng:

- Đối với loại xe cùng loại nhưng có nhiều phương án lựa chọn lắp hệ thống công tác khác nhau thì việc kiểm tra thử nghiệm các nội dung liên quan đến an toàn và bảo vệ môi trường được thực hiện đối với trường hợp nguy hiểm nhất của kiểu loại xe theo tài liệu kỹ thuật của cơ sở sản xuất công bố, các phương án khác được kiểm tra tình trạng hoạt động và ghi nhận thông số kỹ thuật của xe;

- Các thông số về kích thước, khối lượng được kiểm tra ghi nhận đối với từng trường hợp xe lắp hệ thống công tác theo các phương án khác nhau.

<sup>(3)</sup> Kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận đối với thùng nhiên liệu lỏng sử dụng trên xe ô tô: Áp dụng kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận riêng về các yêu cầu đối với thùng nhiên liệu chứa nhiên liệu lỏng sử dụng trên xe ô tô theo quy định liên quan về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới được quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.